TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/DS- ST
Ngày 04/9/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh Minh Trí

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Ông Lê Văn Tỵ

- ***Thư ký ghi biên bản:*** Bà Hồ Thị Lài- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc *" Tranh chấp hợp đồng dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Đinh Văn B**, sinh: 1962. Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ông Bé ủy quyền cho anh **Phan Văn D**, sinh: 1989. Địa chỉ ấp T, xã Ph, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà **Đỗ Thị Mỹ Nh**, sinh: 1971; Bà **Nguyễn Thị E**, sinh: 1968. Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh: 1968. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

(Anh D, bà E có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nh, ông Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2019, bản khai, cùng với các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn anh Phan Văn D trình bày:

Vào ngày 04/7/2017 âm lịch bà Đỗ Thị Mỹ Nh và bà Nguyễn Thị E có đến tiệm vàng của ông Đinh Văn B cầm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 1.750m^2 thuộc thửa 732, 733 tờ 01 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam do bà Nguyễn Thị E đứng tên, cầm lấy số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 2,9%/tháng, thời gian cầm 01 tháng. Mục đích cầm để bà Nhan có tiền đáo hạn ngân hàng. Các bên có ký tên hợp đồng.

Ngày 18/9/2017 âm lịch bà Nh tiếp tục mang 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 1.812,8m^2 thuộc thửa 127 tờ 02 tọa lạc ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ph và bà Đỗ Thị Mỹ Nh, cầm lấy số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 2,9%/tháng, thời gian cầm 01 tháng. Các bên có ký tên hợp đồng.

Từ ngày 04/7/2017 đến 18/02/2018 bà Đỗ Thị Mỹ Nh có đến đóng lãi đầy đủ cho cả 02 Hợp đồng. Sau đó đến nay bà Nh không đóng lãi nữa, nhiều lần ông B yêu cầu trả vốn và lãi nhưng bà E và bà Nh không thực hiện.

Nay, yêu cầu bà Nh, ông Ph (chồng bà Nh) và bà E liên đới có nghĩa trả số tiền là 100.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu bà Nh và ông Ph liên đới có nghĩa vụ trả số tiền là 60.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Ông B đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 127, tờ 2 cấp ngày 09/7/2015 cho bà Nh và ông Ph; trả lại lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 732, 733, tờ 1 cấp ngày 26/01/1999 cho bà Nguyễn Thị E.

Theo bản khai ngày 06/3/2019 bà Đỗ Thị Mỹ Nh trình bày:

Bà thừa nhận có đem 02 sổ quyền sử dụng đất cầm cho ông Đinh Văn B để nhận số tiền 160.000.000 đồng để đủ tiền trả đáo hạn Ngân hàng nhưng vì do sự cố chăn nuôi heo bị chết nên Ngân hàng không cho vay lại tiền nên chưa trả được số tiền trên cho ông B. Nay xin ông B cho thời gian 06 tháng để bà hoàn trả dứt nợ số tiền này cho ông B.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2019 bà Nguyễn Thị E trình bày:

Bà có cho bà Đỗ Thị Mỹ Nh mượn sổ đỏ để cầm cho ông B số tiền 100.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và bà Nh đóng lãi, bà Nh hứa một tuần lễ sẽ trả lại sổ cho bà nhưng đến nay đã 02 năm nhưng bà Nh chưa lấy được sổ về để trả. Do bà Nh mượn sổ và cầm lấy số tiền nêu trên và cũng hứa với bà sẽ trả tiền cho ông B và lấy sổ về trả lại cho bà, bà không đồng ý liên đới với bà Nh trả số tiền 100.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thụ lý đúng thẩm quyền. Hội đồng xét xử cũng như những đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ph có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2019 của ông Đinh Văn B đối với bà Đỗ Thị Mỹ Nh và bà Nguyễn Thị E thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bà Đỗ Thị Mỹ Nh và bà Nguyễn Thị E có nơi cư trú tại xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho bà Nh, bà E, ông Ph đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng bà Nh, bà E, ông Ph vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bà Nh, ông Ph vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nh, ông Ph.

Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất được với nhau về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng cộng là 160.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố dụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu trả số tiền gốc và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Hợp đồng cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là không phù hợp với quy định của pháp luật nên cần hủy hợp đồng cầm cố nêu trên là có cơ sở, các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là phù hợp.

Tại bản khai, biên bản lấy lời khai bà Đỗ Thị Mỹ Nh và bà Nguyễn Thị E thừa nhận có đem sổ đỏ cầm cho ông B. Lần thứ nhất ngày 04/8/2017 âm lịch cầm số tiền 100.000.000 đồng, sổ đỏ do bà E đứng tên và bà E là người ký tên trong hợp đồng. Lần thứ hai ngày 18/10/2017 cầm với số tiền 60.000.000 đồng, sổ đỏ do hộ Nguyễn Văn Ph (chồng bà Nh) và bà Đỗ Thị Mỹ Nh đứng tên và bà Nh ký tên vào hợp đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà E cho rằng sổ đỏ do bà đứng tên nhưng vì bà Nh năn nỉ cho mượn sổ cầm để lấy tiền vay đáo hạn ngân hàng nên bà đồng ý, toàn bộ số tiền cầm 100.000.000 đồng bà Nh giữ hết bà không có nhận tiền và bà Nh đóng lãi cho ông B. Mặc dù bà E ký tên trong hợp đồng nhưng trên thực tế cũng như sự thừa nhận của nguyên đơn và bà Nh thì số tiền 100.000.000 đồng do bà Nh nhận và đóng lãi từ ngày 04/7/2017 đến 18/02/2018. Do đó, cần buộc bà Nh, ông Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền 100.000.000 đồng. Ông Ph tuy đã biết được nội dung yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nh và ông Ph có nghĩa vụ liên đới cùng trả số tiền 100.000.000 đồng và số tiền 60.000.000 đồng nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu của ông B nên cần buộc bà Nh và ông B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền nêu trên là phù hợp. Bà Nh xin trả dần số tiền này cho ông B nhưng nguyên đơn cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý. Xét việc xin trả dần thuộc về giai đoạn thi hành án nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở buộc bà Đỗ Thị Mỹ Nh, ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Văn B số tiền 160.000.000 đồng là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân hyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 160.000.000 đồng x 5% = 8.000.000 đồng bà Đỗ Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn Văn Ph liên đới có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, 92, 93, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn B đối với bà Đỗ Thị Mỹ Nh, bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn Ph.

2. Hủy hợp đồng dân sự ngày 04/8/2017 giữa ông Đinh Văn B với bà Nguyễn Thị E và hủy hợp đồng dân sự ngày 18/10/2017 giữa ông Đinh Văn B với bà Đỗ Thị Mỹ Nh.

Cụ thể tuyên:

Buộc bà Đỗ Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Văn B số tiền là 160.000.000 (*Một trăm sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Đinh Văn B có nghĩa vụ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 127, tờ 2 cấp ngày 09/7/2015 cho bà Đỗ Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn Văn Ph; trả lại lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 732, 733, tờ 1 cấp ngày 26/01/1999 cho bà Nguyễn Thị E.

3. Về án phí:

Bà Đỗ Thị Mỹ Nh và ông Nguyễn Văn Ph liên đới có nghĩa chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.000.000 (*Tám triệu*) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho ông Đinh Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0021980 và số tiền 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0021979 ngày 20/02/2019.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam*.
- *TAND tỉnh Bến Tre*.
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam*.
- C*ác đương sự*.
- *Lưu hồ sơ*.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí